

Số: 411/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành dược

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng” ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quyết định số 119/QĐ-DHN về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng năm 2015 ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2015 họp ngày 10/6/2015;

Theo đề nghị của Phó trưởng phụ trách phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành dược năm 2015 cho 402 sinh viên (có danh sách kèm theo quyết định này). Trong đó:

- | | |
|----------------------------|---------------|
| - Xếp hạng Giỏi: | 21 sinh viên |
| - Xếp hạng Khá: | 168 sinh viên |
| - Xếp hạng Trung bình khá: | 168 sinh viên |
| - Xếp hạng Trung bình: | 45 sinh viên |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng ĐT, QLSV, KT&KĐCL, CTCT, TCKT, HCTH và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Hòa

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 411/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
1	1001483	Phan Thị Anh Thư	Nữ	29/12/1992	Hà Tây	Giỏi
2	1001036	Trần Trọng Biên	Nam	29/03/1992	Hà Tĩnh	Giỏi
3	1001478	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	17/01/1993	Hà Nội	Giỏi
4	1001073	Bùi Thị Dung	Nữ	19/08/1992	Nghệ An	Giỏi
5	1001507	Nguyễn Thị Vân Trang	Nữ	15/05/1992	Hà Nội	Giỏi
6	1001211	Vũ Thị Huyền	Nữ	04/01/1992	Nam Định	Giỏi
7	1001224	Nguyễn Thị Hương	Nữ	29/10/1992	Hà Tĩnh	Giỏi
8	1001115	Nguyễn Đình Đức	Nam	10/05/1992	Hà Tĩnh	Giỏi
9	1001385	Mai Thị Phượng	Nữ	15/04/1992	Nam Hà	Giỏi
10	1001406	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	06/02/1992	Hải Phòng	Giỏi
11	1001171	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	31/12/1992	Hải Hưng	Giỏi
12	1001162	Trần Thị Hằng	Nữ	09/07/1992	Vĩnh Phúc	Giỏi
13	1001310	Nguyễn Thị Mai	Nữ	23/12/1992	Vĩnh Phú	Giỏi
14	1001436	Đoàn Thị Thảo	Nữ	11/11/1992	Thái Bình	Giỏi
15	1001466	Hoàng Thị Minh Thu	Nữ	25/08/1992	Vĩnh Phú	Giỏi
16	0901527	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	26/09/1991	Thái Bình	Giỏi
17	1001268	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	24/03/1992	Nghệ An	Giỏi
18	1001158	Chu Thanh Hằng	Nữ	26/06/1992	Hà Nội	Giỏi
19	1001346	Đỗ Bảo Ngọc	Nam	27/02/1992	Vĩnh Phú	Giỏi
20	1001276	Bùi Thị Khánh Linh	Nữ	04/11/1992	Hà Tĩnh	Giỏi
21	1001277	Dương Khánh Linh	Nữ	10/10/1992	Hà Nội	Giỏi
22	1001181	Lê Văn Hoan	Nam	17/07/1992	Quảng Trị	Khá
23	1001232	Trương Thị Minh Hương	Nữ	30/11/1992	Nam Định	Khá
24	1001428	Lê Thị Tâm	Nữ	04/05/1992	Thanh Hóa	Khá
25	1001065	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	25/02/1992	Nghệ An	Khá
26	1001476	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	24/05/1992	Bắc Ninh	Khá
27	1001389	Hoàng Khắc Quang	Nam	25/09/1992	Thanh Hóa	Khá
28	1001405	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	Nữ	09/10/1992	Hà Nội	Khá
29	1001233	Bùi Thị Bích Hường	Nữ	26/08/1992	Hải Dương	Khá
30	1001311	Trần Ngọc Mai	Nữ	11/05/1992	Bắc Giang	Khá
31	1001074	Hoàng Thị Dung	Nữ	20/09/1992	Thanh Hóa	Khá
32	1001398	Bùi Thị Lệ Quyên	Nữ	24/01/1992	Thái Bình	Khá
33	1001177	Vũ Thanh Hiếu	Nữ	04/09/1992	Hải Dương	Khá
34	1001188	Trần Anh Hoàng	Nam	04/10/1992	Thanh Hóa	Khá
35	1001225	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02/09/1992	Nghệ An	Khá
36	1001281	Hoàng Thị Mỹ Linh	Nữ	09/09/1992	Bắc Giang	Khá
37	1001558	Nguyễn Hồng Uyên	Nữ	11/09/1992	Bắc Giang	Khá
38	1001044	Lương Thị Kim Chi	Nữ	04/07/1992	Hải Hưng	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: *44* /QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
39	1001463	Đào Thị Thu	Nữ	11/11/1992	Bắc Giang	Khá
40	1001129	An Phương Hà	Nữ	12/06/1992	Hải Dương	Khá
41	1001504	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	23/09/1992	Cao Bằng	Khá
42	1001020	Ngụy Quốc Anh	Nam	01/05/1992	Quảng Ninh	Khá
43	1001178	Phạm Hải Hoa	Nữ	31/05/1992	Thái Bình	Khá
44	1001444	Lại Thị Thắm	Nữ	17/12/1992	Thanh Hóa	Khá
45	1001569	Vương Minh Việt	Nam	01/03/1991	Hà Nội	Khá
46	1001172	Phạm Thị Hiền	Nữ	18/09/1992	Quảng Ninh	Khá
47	1001484	Cao Thị Thương	Nữ	10/10/1992	Nghệ An	Khá
48	1001135	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	28/08/1992	Nam Định	Khá
49	1001215	Mai Công Hưng	Nam	24/02/1992	Hải Hưng	Khá
50	1001100	Lê Nho Đán	Nam	21/04/1992	Bắc Ninh	Khá
51	1001245	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	14/10/1992	Thái Bình	Khá
52	1001083	Kiều Thị Hồng Duyên	Nữ	26/10/1992	Hà Tĩnh	Khá
53	1001330	Bùi Thị Quỳnh Nga	Nữ	15/05/1992	Thái Nguyên	Khá
54	1001500	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	24/11/1991	Hà Nội	Khá
55	1001513	Dương Quỳnh Trâm	Nữ	20/06/1992	Quảng Nam	Khá
56	1001011	Hà Kiều Anh	Nữ	20/12/1992	Hà Tây	Khá
57	1001064	Lê Thị Cúc	Nữ	11/03/1992	Hà Bắc	Khá
58	1001433	Trần Thị Thanh	Nữ	13/03/1992	Nghệ An	Khá
59	1001437	Đoàn Thị Phương Thảo	Nữ	13/10/1992	Thanh Hóa	Khá
60	1001138	Phạm Lý Hà	Nữ	01/10/1992	Hải Dương	Khá
61	1001259	Nguyễn Phương Lan	Nữ	21/06/1992	Ninh Bình	Khá
62	1001490	Nguyễn Minh Tiến	Nam	25/06/1992	Hà Nội	Khá
63	1001228	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	01/02/1992	Bắc Ninh	Khá
64	1001156	Trương Hồng Hạnh	Nữ	23/10/1992	Hải Dương	Khá
65	1001308	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	15/09/1992	Hải Hưng	Khá
66	1001374	Lê Thị Phương	Nữ	14/11/1992	Thanh Hóa	Khá
67	1001464	Đặng Thị Thu	Nữ	26/02/1992	Hải Phòng	Khá
68	1001522	Võ Phi Trúc	Nam	07/07/1992	Hà Tĩnh	Khá
69	1001272	Nguyễn Thị Phương Liên	Nữ	19/02/1992	Hà Tĩnh	Khá
70	1001462	Vũ Thị Thơm	Nữ	13/01/1992	Hải Hưng	Khá
71	1001493	Lê Xuân Tình	Nữ	03/05/1992	Hà Tây	Khá
72	1001505	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	20/08/1992	Nghệ An	Khá
73	1001076	Nguyễn Thị Dung	Nữ	04/07/1992	Hải Phòng	Khá
74	1001081	Vũ Minh Duy	Nam	05/05/1992	Nam Định	Khá
75	1001511	Trịnh Thị Trang	Nữ	27/05/1992	Thanh Hóa	Khá
76	1001131	Lê Thị Hà	Nữ	16/05/1992	Thanh Hóa	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 441/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
77	1001243	Nguyễn Chính Khoa	Nam	17/05/1992	Hải Hưng	Khá
78	1001040	Hoàng Thị Bích	Nữ	21/02/1991	Hà Nội	Khá
79	1001079	Vũ Thuý Dung	Nữ	15/11/1992	Hải Phòng	Khá
80	1001124	Hoàng Hương Giang	Nữ	30/09/1992	Ninh Bình	Khá
81	1001170	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	11/10/1992	Hà Tây	Khá
82	1001043	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	05/11/1992	Hà Tĩnh	Khá
83	1001210	Phùng Thị Ngọc Huyền	Nữ	19/11/1992	Hà Tây	Khá
84	1001204	Phạm Quang Huy	Nam	14/06/1992	Hà Nội	Khá
85	1001220	Đặng Lan Hương	Nữ	14/08/1992	Thanh Hoá	Khá
86	1001130	Hồ Thị Hà	Nữ	28/04/1992	Hà Tây	Khá
87	1001229	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	24/05/1992	Hà Tây	Khá
88	1001378	Nguyễn Mai Phương	Nữ	27/07/1992	Thái Bình	Khá
89	1001290	Trần Thị Loan	Nữ	04/03/1992	Thanh Hóa	Khá
90	1001303	Dương Thị Thanh Mai	Nữ	10/09/1992	Bình Thuận	Khá
91	1001313	Trịnh Thị Thanh Mai	Nữ	12/08/1992	Bắc Ninh	Khá
92	1001515	Vũ Thị Trà	Nữ	30/11/1992	Hà Bắc	Khá
93	1001248	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	06/06/1991	Nghệ An	Khá
94	1001458	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	Nữ	17/03/1992	Thái Nguyên	Khá
95	1001578	Nguyễn Hải Yến	Nữ	13/07/1992	Hà Bắc	Khá
96	1001159	Lê Thị Thu Hằng	Nữ	03/12/1992	Ninh Bình	Khá
97	1001508	Thái Nguyễn Thu Trang	Nữ	08/08/1992	Thái Bình	Khá
98	1001546	Đào Quang Tùng	Nam	24/11/1992	Hà Bắc	Khá
99	1001024	Trần Văn Anh	Nữ	07/04/1992	Hà Tây	Khá
100	1001257	Lương Thị Lan	Nữ	09/10/1992	Thái Bình	Khá
101	1001147	Hoàng Phương Hào	Nữ	02/04/1992	Hà Tây	Khá
102	1001502	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	17/03/1991	Hà Tĩnh	Khá
103	1001009	Đỗ Hoàng Anh	Nữ	27/11/1992	Thái Bình	Khá
104	1001206	Hà Thu Huyền	Nữ	23/04/1992	Bắc Giang	Khá
105	1001561	Hà Quang Văn	Nam	18/04/1992	Thái Bình	Khá
106	1001226	Nguyễn Thị Hương	Nữ	03/05/1992	Hà Tây	Khá
107	1001468	Lê Thị Thu	Nữ	30/12/1992	Thanh Hóa	Khá
108	1001014	Lê Thị Quỳnh Anh	Nữ	16/10/1992	Hà Nội	Khá
109	1001176	Tô Xuân Hiếu	Nam	02/09/1992	Nam Định	Khá
110	1001418	Đỗ Thanh Sơn	Nam	27/07/1992	Nam Định	Khá
111	1001514	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	05/09/1992	Hải Hưng	Khá
112	1001160	Nguy Thị Hằng	Nữ	11/05/1992	Nam Định	Khá
113	1001271	Lê Thị Hồng Liên	Nữ	10/06/1992	Thanh Hóa	Khá
114	1001380	Phạm Thị Phương	Nữ	12/02/1991	Nam Định	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 411/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
115	1001535	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	20/12/1992	Lào Cai	Khá
116	1001333	Quách Thị Thuý Nga	Nữ	28/12/1992	Hà Tây	Khá
117	1001142	Hoàng Thị Hải	Nữ	27/07/1992	Thanh Hóa	Khá
118	1001441	Trịnh Phương Thảo	Nữ	12/12/1992	Thanh Hóa	Khá
119	1001222	Lê Thị Hương	Nữ	24/07/1992	Thanh Hóa	Khá
120	1001379	Phan Thanh Chi Phương	Nữ	23/07/1992	Thanh Hóa	Khá
121	1001423	Lê Minh Sóng	Nam	31/03/1992	Thanh Hóa	Khá
122	1001161	Phan Thị Thuý Hằng	Nữ	24/09/1992	Hà Tĩnh	Khá
123	1001580	Phạm Thị Yên	Nữ	13/01/1992	Hà Tây	Khá
124	1001194	Đỗ Thanh Hồng	Nữ	08/02/1992	Hà Nội	Khá
125	1001302	Nguyễn Thị Lý	Nữ	03/03/1992	Nghệ An	Khá
126	1001347	Lê Thị Ngọc	Nữ	17/08/1992	Thanh Hóa	Khá
127	1001288	Bùi Thanh Loan	Nữ	11/06/1992	Vĩnh Phúc	Khá
128	1001531	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	28/08/1992	Hưng Yên	Khá
129	1001039	Đỗ Thị Ngọc Bích	Nữ	12/12/1992	Hà Nam	Khá
130	1001070	Đỗ Thị Bích Diệp	Nữ	25/12/1992	Hải Phòng	Khá
131	1001516	Võ Thị Việt Trinh	Nữ	09/10/1992	Nghệ An	Khá
132	1001150	Hà Thị Mai Hạnh	Nữ	26/08/1992	Hà Tĩnh	Khá
133	1001404	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	20/12/1992	Nam Định	Khá
134	1001481	Phạm Thị Thuý	Nữ	28/11/1992	Thái Bình	Khá
135	1001570	Nghiêm Thế Vinh	Nam	15/10/1992	Bắc Ninh	Khá
136	1001370	Đoàn Quốc Phương	Nam	02/08/1992	Hà Tĩnh	Khá
137	1001163	Trần Thị Hằng	Nữ	20/11/1991	Thanh Hóa	Khá
138	1001169	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	18/07/1992	Hà Tây	Khá
139	1001559	Nguyễn Thanh Uyên	Nữ	18/07/1992	Hà Tây	Khá
140	0901495	Phạm Thị Thuý	Nữ	18/01/1991	Thái Bình	Khá
141	1001005	Bạch Thuý Anh	Nữ	08/03/1992	Hà Tây	Khá
142	1001460	Phạm Thị Thom	Nữ	08/03/1992	Hà Tĩnh	Khá
143	1001326	Nguyễn Phương Nam	Nam	05/12/1992	Thanh Hóa	Khá
144	1001409	Nguyễn Thị Riển	Nữ	15/03/1991	Thái Bình	Khá
145	1001236	Nguyễn Phi Hùng	Nam	25/11/1992	Lào Cai	Khá
146	1001287	Trần Thị Hoài Linh	Nữ	30/03/1992	Nghệ An	Khá
147	1001455	Nguyễn Văn Thiệu	Nam	10/04/1992	Vĩnh Phú	Khá
148	1001258	Ngô Thị Lan	Nữ	29/01/1992	Hải Dương	Khá
149	1001435	Phạm Tiến Thành	Nam	12/02/1992	Thái Bình	Khá
150	1001128	Phạm Hà Giang	Nữ	15/03/1992	Thanh Hóa	Khá
151	1001348	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	16/10/1992	Thanh Hóa	Khá
152	1001456	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	04/03/1992	Hà Nam	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 411/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
153	1001545	Lại Thị Hồng Tươi	Nữ	12/04/1992	Thái Bình	Khá
154	1001217	Trịnh Quốc Hưng	Nam	02/10/1992	Thanh Hóa	Khá
155	1001270	Cần Thị Quỳnh Liên	Nữ	12/02/1991	Hà Nội	Khá
156	1001469	Nguyễn Minh Thu	Nữ	19/07/1992	Hà Tây	Khá
157	1001182	Hồ Sỹ Hoà	Nam	19/11/1992	Nghệ An	Khá
158	1001548	Hoàng Tùng	Nam	12/08/1992	Vĩnh Phú	Khá
159	1001028	Trần Ngọc Ánh	Nữ	06/08/1992	Nam Định	Khá
160	1001241	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	03/06/1992	Vĩnh Phú	Khá
161	1001340	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	08/03/1992	Thanh Hóa	Khá
162	1001373	Lê Minh Phương	Nữ	25/11/1992	Hải Hưng	Khá
163	1001473	Phan Thị Thu	Nữ	19/05/1992	Hà Tĩnh	Khá
164	1001003	Nguyễn Thúy An	Nữ	17/10/1992	Hà Nội	Khá
165	1001133	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	15/08/1991	Thanh Hóa	Khá
166	1001439	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	20/08/1992	Nghệ An	Khá
167	1001307	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	15/10/1992	Thanh Hóa	Khá
168	1001419	Lê Tùng Sơn	Nam	27/07/1992	Vĩnh Phú	Khá
169	1001072	Trần Thị Dịu	Nữ	23/07/1992	Nghệ An	Khá
170	1001234	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	29/09/1992	Hà Tây	Khá
171	1001126	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	14/09/1992	Vĩnh Phú	Khá
172	1001357	Lê Công Nhật	Nam	22/12/1992	Bắc Ninh	Khá
173	1001440	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	13/04/1992	Thanh Hóa	Khá
174	1001208	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	03/11/1992	Thanh Hóa	Khá
175	1001306	Lê Thị Hương Mai	Nữ	26/11/1992	Hà Tây	Khá
176	1001338	Lê Thị Thùy Ngân	Nữ	15/08/1992	Vĩnh Phúc	Khá
177	1001489	Nguyễn Thị Thùy Tiên	Nữ	29/12/1991	Hà Nội	Khá
178	1001366	Nguyễn Tiến Pháp	Nam	02/09/1992	Hưng Yên	Khá
179	1001431	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	03/12/1992	Thái Bình	Khá
180	1001007	Bùi Thị Kim Anh	Nữ	17/11/1991	Hà Tây	Khá
181	1001095	Phạm Minh Dũng	Nam	10/12/1992	Nam Định	Khá
182	1001207	Ngô Thanh Huyền	Nữ	14/12/1991	Tuyên Quang	Khá
183	1001362	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	20/05/1992	Thanh Hóa	Khá
184	1001396	Đỗ Văn Quân	Nam	09/08/1992	Hưng Yên	Khá
185	1001218	Bùi Thị Thanh Hương	Nữ	15/07/1992	Thanh Hóa	Khá
186	1001377	Ngô Thị Thu Phương	Nữ	21/08/1992	Thanh Hóa	Khá
187	1001381	Trần Ngọc Phương	Nữ	17/02/1992	Vĩnh Phú	Khá
188	1001246	Nguyễn Trung Kiên	Nam	06/10/1992	Hà Nội	Khá
189	1001137	Nguyễn Văn Hà	Nam	01/10/1992	Hải Phòng	Khá
190	1001260	Nguyễn Thị Lan	Nữ	15/07/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 44 /QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
191	1001084	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	06/09/1992	Hung Yên	Trung bình khá
192	1001013	Lê Minh Hồng Anh	Nam	22/12/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
193	1001185	Vũ Đức Hoàn	Nam	25/10/1992	Nghệ An	Trung bình khá
194	1001060	Nguyễn Kim Cường	Nam	06/02/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
195	1001067	Nguyễn Đình Dân	Nam	12/04/1992	Hung Yên	Trung bình khá
196	1001371	Hoàng Cúc Phương	Nữ	26/05/1991	Hải Dương	Trung bình khá
197	1001016	Lưu Thị Thuý Anh	Nữ	11/11/1992	Quảng Ninh	Trung bình khá
198	1001227	Nguyễn Thị Hương	Nữ	08/12/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
199	1001327	Trần Hoàng Nam	Nam	05/02/1992	Hà Nội	Trung bình khá
200	1001078	Trần Thị Dung	Nữ	03/06/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
201	1001219	Cao Thị Hương	Nữ	12/01/1992	Hà Nội	Trung bình khá
202	1001447	Nguyễn Văn Thắng	Nam	29/09/1991	Nam Định	Trung bình khá
203	1001113	Hồ Minh Đức	Nam	12/10/1992	Nghệ An	Trung bình khá
204	1001556	Nguyễn Văn Tựa	Nam	03/08/1992	Bắc Giang	Trung bình khá
205	1001197	Phạm Thị Việt Hồng	Nữ	16/09/1992	Hà Tây	Trung bình khá
206	1001388	Bùi Văn Quang	Nam	08/11/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
207	1001125	Nguyễn Thị Giang	Nữ	10/10/1991	Vĩnh Phú	Trung bình khá
208	1001153	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	26/08/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
209	0901395	Nguyễn Như Phương	Nam	31/08/1991	Hà Tây	Trung bình khá
210	1001087	Nguyễn Thị Thuý Dương	Nữ	27/06/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
211	1001195	Lê Thị Hồng	Nữ	10/09/1992	Nghệ An	Trung bình khá
212	1001438	Hồ Thị Phương Thảo	Nữ	20/12/1992	Nghệ An	Trung bình khá
213	1001057	Lường Quốc Cường	Nam	05/10/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
214	1001122	Đặng Thị Hương Giang	Nữ	03/03/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
215	1001256	Hoàng Thị Mai Lan	Nữ	10/10/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
216	1001304	Đoàn Thị Thanh Mai	Nữ	27/06/1991	Cao Bằng	Trung bình khá
217	1001383	Bùi Thị Phụng	Nữ	16/04/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
218	1001023	Trần Thị Tú Anh	Nữ	19/08/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
219	1001536	Nguyễn Tiến Tuấn	Nam	15/10/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
220	1001331	Hoàng Thị Nga	Nữ	26/05/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
221	1001480	Nguyễn Thu Thuý	Nữ	06/10/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
222	1001498	Đặng Mai Trang	Nữ	23/03/1992	Nam Định	Trung bình khá
223	1001047	Nguyễn Văn Chính	Nam	20/03/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
224	1001031	Nguyễn Xuân Bách	Nam	27/04/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
225	1001457	Nguyễn Đoàn Thoan	Nam	03/12/1992	Bắc Ninh	Trung bình khá
226	1001530	Ngô Quốc Tuấn	Nam	22/09/1992	Hà Nội	Trung bình khá
227	1001470	Nguyễn Thị Thu	Nữ	26/07/1992	Nam Định	Trung bình khá
228	1001384	Lê Thị Phụng	Nữ	14/06/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 44/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
229	1001479	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	06/08/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
230	1001030	Ngô Xuân Bách	Nam	09/05/1992	Thái Bình	Trung bình khá
231	1001365	Đỗ Văn Pha	Nam	24/11/1992	Hà Tây	Trung bình khá
232	1001278	Đỗ Thị Linh	Nữ	04/11/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
233	1001363	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	15/08/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
234	1001399	Bùi Thị Tố Quyên	Nữ	26/05/1992	Ninh Bình	Trung bình khá
235	1001421	Nguyễn Tuấn Sơn	Nam	16/07/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
236	1001102	Trần Văn Đạt	Nam	21/08/1992	Bắc Giang	Trung bình khá
237	1001175	Phạm Thế Hiền	Nam	05/11/1992	Hải Phòng	Trung bình khá
238	1001497	Bùi Thiên Trang	Nữ	16/03/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
239	1001183	Vũ Thị Hoài	Nữ	24/05/1992	Nam Hà	Trung bình khá
240	1001343	Hoàng Xuân Nghĩa	Nam	28/02/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
241	1001412	Nguyễn Ánh Sáng	Nam	03/02/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
242	1001339	Lê Việt Ngân	Nam	24/11/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
243	1001123	Hoàng Gia Giang	Nam	06/01/1992	Thái Bình	Trung bình khá
244	1001360	Nguyễn Lê Hồng Nhung	Nữ	28/01/1992	Nam Hà	Trung bình khá
245	1001361	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	29/07/1992	Hà Nam	Trung bình khá
246	1001019	Nguyễn Thế Anh	Nam	06/05/1991	Thái Bình	Trung bình khá
247	1001186	Nguyễn Quý Hoàng	Nam	19/10/1992	Hà Nội	Trung bình khá
248	1001273	Phan Thị Phương Liên	Nữ	01/09/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
249	1001350	Nguyễn Khôi Nguyên	Nam	09/09/1992	Nghệ An	Trung bình khá
250	1001387	Nguyễn Minh Phúc	Nam	24/04/1992	Nghệ An	Trung bình khá
251	1001553	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	24/09/1992	Bắc Giang	Trung bình khá
252	1001165	Vũ Thị Thuý Hằng	Nữ	19/12/1992	Hải Hưng	Trung bình khá
253	1001510	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	12/12/1991	Lạng Sơn	Trung bình khá
254	1001300	Nguyễn Thị Vân Ly	Nữ	26/01/1991	Hà Nội	Trung bình khá
255	1001526	Đoàn Anh Tuấn	Nam	30/03/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
256	1001533	Nguyễn Bá Tuấn	Nam	07/12/1990	Nghệ An	Trung bình khá
257	1001534	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	16/04/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
258	0901010	Lê Đức Anh	Nam	17/02/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
259	1001527	Lê Anh Tuấn	Nam	29/09/1992	Bắc Giang	Trung bình khá
260	1001088	Nguyễn Văn Dương	Nam	20/10/1992	Bắc Ninh	Trung bình khá
261	1001356	Vũ Huy Nhất	Nam	10/06/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
262	1001576	Đào Hải Yến	Nữ	14/07/1991	Bắc Giang	Trung bình khá
263	1001213	Đỗ Gia Vĩnh Hưng	Nam	14/08/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
264	1001240	Hoàng Đình Khánh	Nam	26/02/1992	Nghệ An	Trung bình khá
265	1001190	Vũ Văn Hoàng	Nam	15/08/1992	Nghệ An	Trung bình khá
266	1001193	Đoàn Ngọc Học	Nam	30/03/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 141/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
267	1001202	Nguyễn Đình Huy	Nam	08/07/1992	Thái Bình	Trung bình khá
268	1001127	Nguyễn Trường Giang	Nam	20/09/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
269	1001499	Hoàng Thị Hồng Trang	Nữ	03/04/1992	Hải Phòng	Trung bình khá
270	1001525	Nguyễn Duy Tuấn	Nam	28/05/1992	Nam Định	Trung bình khá
271	1001146	Triệu Tấn Hải	Nam	19/01/1992	Vĩnh Phúc	Trung bình khá
272	1001056	Lê Xuân Cường	Nam	30/09/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
273	1001118	Nguyễn Xuân Đức	Nam	13/06/1990	Nam Định	Trung bình khá
274	1001223	Nguyễn Thị Hương	Nữ	01/11/1992	Thái Bình	Trung bình khá
275	1001542	Vũ Anh Tuấn	Nam	14/02/1992	Hà Nam Ninh	Trung bình khá
276	0901026	Đào Thanh Bắc	Nam	28/10/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
277	1001027	Nguyễn Ngọc Ánh	Nam	11/10/1991	Thái Bình	Trung bình khá
278	1001111	Bùi Anh Đức	Nam	16/11/1992	Nghệ An	Trung bình khá
279	1001201	Hà Thị Huệ	Nữ	22/06/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
280	1001214	Lê Văn Hưng	Nam	25/07/1992	Nghệ An	Trung bình khá
281	1001297	Lê Thế Luyện	Nam	19/08/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
282	1001501	Nguyễn Thanh Quỳnh Trang	Nữ	15/09/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
283	1001168	Lê Thu Hiền	Nữ	25/03/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
284	1001472	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	11/10/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
285	1001059	Nguyễn Cao Cường	Nam	20/01/1991	Nam Hà	Trung bình khá
286	1001324	Nguyễn Hoài Nam	Nam	06/11/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
287	1001550	Hồ Minh Tùng	Nam	01/05/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
288	1001519	Lê Văn Trung	Nam	10/11/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
289	1001496	Bùi Thái Tới	Nam	02/09/1990	Nghệ An	Trung bình khá
290	1001538	Trần Anh Tuấn	Nam	01/11/1991	Hà Giang	Trung bình khá
291	1001427	Đoàn Văn Tâm	Nam	11/11/1992	Hà Tây	Trung bình khá
292	1001296	Nguyễn Văn Lợi	Nam	15/09/1992	Hải Hưng	Trung bình khá
293	1001320	Vũ Đình Minh	Nam	29/12/1990	Hưng Yên	Trung bình khá
294	1001145	Trần Thị Hải	Nữ	01/10/1992	Nghệ An	Trung bình khá
295	1001152	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	13/02/1991	Bắc Giang	Trung bình khá
296	1001543	Nguyễn Thanh Tuyền	Nam	20/12/1991	Hà Tây	Trung bình khá
297	1001279	Giang Thị Tú Linh	Nữ	08/11/1991	Hòa Bình	Trung bình khá
298	1001555	Ngô Đức Tú	Nam	20/08/1991	Vĩnh Phú	Trung bình khá
299	1001054	Nguyễn Bá Cương	Nam	05/09/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
300	1001187	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	13/01/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
301	1001167	Vũ Thúy Hậu	Nữ	07/05/1991	Cao Bằng	Trung bình khá
302	0901161	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	10/11/1991	Hải Dương	Trung bình khá
303	1001445	Lê Thế Thắng	Nam	16/11/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
304	1001108	Trần Xuân Đông	Nam	06/10/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 44/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
305	0901131	Triệu Thị Thanh Hải	Nữ	09/09/1990	Yên Bái	Trung bình khá
306	1001298	Nguyễn Thị Lương	Nữ	28/06/1992	Vĩnh Phúc	Trung bình khá
307	1001018	Nguyễn Sỹ Anh	Nam	26/02/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
308	1001141	Đặng Thị Minh Hải	Nữ	21/02/1991	Lào Cai	Trung bình khá
309	1001509	Trần Thị Trang	Nữ	02/12/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
310	1001001	Bùi Việt An	Nữ	09/02/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
311	1001345	Bùi Bảo Ngọc	Nam	03/10/1991	Hà Tây	Trung bình khá
312	1001041	Trần Văn Ca	Nam	27/01/1992	Hà Nam Ninh	Trung bình khá
313	1001394	Tổng Xuân Quang	Nam	19/03/1992	Thái Bình	Trung bình khá
314	1001238	Phạm Văn Hùng	Nam	23/10/1992	Nghệ An	Trung bình khá
315	1001325	Nguyễn Hồng Nam	Nam	04/10/1992	Nghệ An	Trung bình khá
316	1001344	Phạm Quang Nghĩa	Nam	28/06/1992	Hải Phòng	Trung bình khá
317	1001042	Phan Huy Cao	Nam	06/08/1992	Nghệ An	Trung bình khá
318	1001265	Trương Văn Lâm	Nam	05/04/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
319	1001494	Nguyễn Bá Toàn	Nam	12/10/1992	Hà Tây	Trung bình khá
320	1001554	Lê Văn Tú	Nam	20/03/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
321	0901133	Bùi Thị Hạnh	Nữ	08/04/1990	Thanh Hóa	Trung bình khá
322	1001062	Tào Hồng Cường	Nam	13/10/1991	Hà Tây	Trung bình khá
323	1001212	Lê Công Huỳnh	Nam	10/09/1992	Hà Tĩnh	Trung bình khá
324	0901345	Đào Thị Kim Ngân	Nữ	29/04/1990	Cao Bằng	Trung bình khá
325	1001434	Phạm Đình Thành	Nam	29/12/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
326	1001474	Lê Văn Thủy	Nam	03/01/1992	Nam Định	Trung bình khá
327	1001045	Nguyễn Thanh Chiến	Nam	29/09/1992	Nam Định	Trung bình khá
328	1001107	Nguyễn Đình Đoàn	Nam	10/12/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
329	1001442	Trịnh Thị Thảo	Nữ	11/01/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
330	1001015	Lê Tuấn Anh	Nam	10/12/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
331	1001199	Nguyễn Ngọc Hợp	Nam	24/09/1992	Vĩnh Phúc	Trung bình khá
332	1001244	Vũ Trọng Khoa	Nam	09/04/1992	Thái Bình	Trung bình khá
333	1001286	Phạm Việt Linh	Nam	11/12/1992	Hà Tây	Trung bình khá
334	1001050	Nguyễn Chí Công	Nam	20/10/1992	Nghệ An	Trung bình khá
335	1001471	Nguyễn Thị Thu	Nữ	10/02/1990	Hòa Bình	Trung bình khá
336	1001520	Trần Đức Trung	Nam	03/05/1992	Hà Tây	Trung bình khá
337	1001196	Nguyễn Thị Bích Hồng	Nữ	25/10/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
338	1001292	Nguyễn Xuân Long	Nam	26/09/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
339	1001203	Nguyễn Quang Huy	Nam	10/09/1992	Nghệ An	Trung bình khá
340	0901110	Giảng Thị Giảng	Nữ	10/02/1989	Lai Châu	Trung bình khá
341	1001025	Trịnh Xuân Anh	Nam	10/08/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
342	1001205	Trần Khắc Huy	Nam	26/12/1992	Vĩnh Phúc	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-DHN, ngày 15 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
343	1001349	Phạm Thế Ngọc	Nam	10/03/1992	Hải Phòng	Trung bình khá
344	1001109	Phan Tiến Độ	Nam	10/04/1992	Nam Hà	Trung bình khá
345	0901019	Trần Thế Anh	Nam	25/09/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
346	1001400	Nguyễn Ngọc Quyền	Nam	12/12/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
347	1001055	Trịnh Kế Cường	Nam	02/04/1992	Hải Hưng	Trung bình khá
348	1001101	Nguyễn Hữu Đạt	Nam	27/10/1992	Hải Dương	Trung bình khá
349	1001352	Bùi Ngọc Nhâm	Nam	17/02/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
350	0901482	Nguyễn Duy Thông	Nam	07/08/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
351	1001291	Nguyễn Phi Long	Nam	30/08/1992	Hà Bắc	Trung bình khá
352	1001397	Lê Hồng Quân	Nam	15/10/1992	Thái Bình	Trung bình khá
353	1001089	Đỗ Xuân Dũng	Nam	26/06/1992	Thanh Hóa	Trung bình khá
354	1001216	Nguyễn Ngọc Hưng	Nam	10/03/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
355	1001337	Chu Thị Ngân	Nữ	16/02/1992	Nghệ An	Trung bình khá
356	1001093	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	05/12/1992	Vĩnh Phú	Trung bình khá
357	0801183	Nguyễn Trọng Huy	Nam	02/07/1990	Hải Phòng	Trung bình khá
358	0901539	Phúc Thị Thanh Trà	Nữ	27/01/1990	Tuyên Quang	Trung bình
359	1001393	Phạm Thiên Quang	Nam	14/12/1992	Nghệ An	Trung bình
360	1001328	Vũ Hoàng Nam	Nam	28/01/1992	Hải Phòng	Trung bình
361	0901450	Nguyễn Văn Thành	Nam	24/04/1990	Thanh Hóa	Trung bình
362	1001112	Hoàng Trung Đức	Nam	20/10/1992	Nghệ An	Trung bình
363	1001184	Bạch Hải Hoàn	Nam	18/02/1991	Ninh Bình	Trung bình
364	0901148	Thào Lệ Hằng	Nữ	23/05/1990	Lào Cai	Trung bình
365	1001566	Đào Văn Việt	Nam	20/02/1992	Nghệ An	Trung bình
366	1001518	Lê Tiến Trung	Nam	20/06/1991	Hà Tĩnh	Trung bình
367	0901194	Dương Thị Huệ	Nữ	27/03/1989	Bắc Kạn	Trung bình
368	1001110	Bùi Văn Được	Nam	13/02/1991	Hòa Bình	Trung bình
369	1001180	Hàn Cao Hoan	Nam	20/09/1992	Thanh Hóa	Trung bình
370	0901471	Đinh Thị Thêm	Nữ	15/07/1990	Ninh Bình	Trung bình
371	1001242	Nguyễn Văn Khánh	Nam	14/12/1989	Hà Nội	Trung bình
372	1001568	Phạm Thế Việt	Nam	09/11/1992	Thanh Hóa	Trung bình
373	0901201	Cao Thị Huyền	Nữ	23/01/1990	Quảng Ninh	Trung bình
374	1001403	Trần Văn Quyết	Nam	10/10/1992	Hải Hưng	Trung bình
375	0901515	Vũ A Tinh	Nam	05/06/1990	Lai Châu	Trung bình
376	1001443	Lê Xuân Thạch	Nam	26/09/1992	Hà Tĩnh	Trung bình
377	0901443	Hoàng Hữu Thanh	Nam	23/04/1990	Thanh Hóa	Trung bình
378	1001086	Nguyễn Thái Dương	Nam	05/11/1992	Vĩnh Phú	Trung bình
379	1001105	Lê Văn Định	Nam	28/11/1991	Hải Dương	Trung bình
380	1001354	Lưu Việt Nhâm	Nam	11/08/1992	Thanh Hóa	Trung bình

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-DHN, ngày 17 tháng 6 năm 2015)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
381	1001263	Trần Thúc Lanh	Nam	19/02/1992	Thái Bình	Trung bình
382	1001314	Ly Thị May	Nữ	18/10/1988	Lai Châu	Trung bình
383	0901259	Hoàng Thị Lan	Nữ	02/08/1985	Ninh Bình	Trung bình
384	0901365	Đặng Thế Ngung	Nam	11/10/1991	Thái Bình	Trung bình
385	0901079	Bàn Thị Dương	Nữ	26/08/1989	Bắc Thái	Trung bình
386	0901519	Dương Thị Trang	Nữ	03/01/1989	Cao Bằng	Trung bình
387	0901135	Nguyễn Phước Hạnh	Nam	10/10/1989	Ninh Bình	Trung bình
388	1001002	Dương Đức An	Nam	28/07/1992	Nam Định	Trung bình
389	1001488	Đinh Văn Thúc	Nam	16/09/1990	Nghệ An	Trung bình
390	0901467	Hà Văn Thắng	Nam	15/11/1989	Cao Bằng	Trung bình
391	0901249	Dương Mạnh Khu	Nam	16/02/1991	Hà Nam Ninh	Trung bình
392	1001429	Nguyễn Đức Tâm	Nam	20/08/1992	Thái Nguyên	Trung bình
393	1001475	Chu Ngọc Thủy	Nam	01/03/1992	Hà Bắc	Trung bình
394	1001148	Trần Minh Hào	Nam	02/10/1992	Hải Hưng	Trung bình
395	0901380	Phan Thị Nhung	Nữ	03/02/1990	Lào Cai	Trung bình
396	0901445	Thào Thị Thanh	Nữ	27/06/1990	Hà Giang	Trung bình
397	0901268	Nông Thị Thu Lệ	Nữ	27/07/1989	Cao Bằng	Trung bình
398	0801147	Hoàng Văn Hiệu	Nam	20/06/1990	Thanh Hóa	Trung bình
399	0901027	Lê Văn Bắc	Nam	10/04/1991	Hà Tĩnh	Trung bình
400	0701170	Bùi Khắc Hoạt	Nam	03/07/1988	Thanh Hóa	Trung bình
401	0901547	Giàng A Trừ	Nam	31/12/1989	Yên Bái	Trung bình
402	0901238	Đậu Phi Khang	Nam	10/06/1991	Nghệ An	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Nguyễn Đăng Hòa